

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, nghỉ dưỡng sức, thăm ốm đau, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, nghỉ dưỡng sức, thăm ốm đau, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 157/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 273/BC-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, nghỉ dưỡng sức, thăm ốm đau, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, nghỉ dưỡng sức, thăm ốm đau, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định việc hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh, nghỉ dưỡng sức, thăm ốm đau, thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác đang đương chức và đã nghỉ hưu sinh sống tại tỉnh Đắk Lắk hoặc ở địa phương khác nhưng đăng ký khám, chữa bệnh tại tỉnh Đắk Lắk.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng A1 (đương chức và đã nghỉ hưu)

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức; Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Bí thư Tỉnh ủy.

c) Phó Bí thư Tỉnh ủy.

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Thượng tướng lực lượng vũ trang.

i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (lão thành cách mạng).

2. Đối tượng A2 (đương chức và đã nghỉ hưu)

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

e) Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.

g) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (Cán bộ tiền khởi nghĩa), Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Trung tướng, Thiếu tướng thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Đối tượng B1 (đương chức và đã nghỉ hưu).

a) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

b) Cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh.

c) Cấp trưởng các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh.

d) Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk.

h) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là trưởng tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

i) Trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thống kê tỉnh, Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước khu vực XI, Kho bạc Nhà nước khu vực XIV, Chi cục Hải quan khu vực XIV.

k) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động.

4. Đối tượng B2 (đương chức và đã nghỉ hưu)

a) Thư ký Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký Bí thư Tỉnh ủy.

b) Cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh.

c) Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Phó Giám đốc Công an tỉnh.

d) Phó các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

e) Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh).

g) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

h) Cấp trưởng các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

i) Bí thư Đảng ủy xã, phường.

k) Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, chuyên viên cao cấp và tương đương thuộc đối tượng là người hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc hưởng lương từ đơn vị sự nghiệp công lập.

l) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có biểu quyết thuộc địa phương quản lý để bầu, bổ nhiệm chức danh Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc Công ty.

m) Phó Trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh, Thống kê tỉnh, Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước khu vực XI, Kho bạc Nhà nước khu vực XIV, Chi cục Hải quan khu vực XIV.

n) Ủy viên các ban Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cán bộ được phân công ở lại hoạt động sau năm 1954.

5. Đối tượng B3 (đương chức và đã nghỉ hưu)

a) Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy.

b) Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường.

c) Cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phó Chủ tịch các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

e) Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, kiểm soát viên các Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có biểu quyết thuộc địa phương quản lý (trừ các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý), Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm.

g) Cán bộ lực lượng vũ trang nhân dân có quân hàm cấp đại tá.

h) Đảng viên được tặng Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng trở lên.

i) Cán bộ công chức, viên chức chuyên viên chính và tương đương có nhóm ngạch công chức loại A2.1, bậc 4, hệ số 5,42 và tương đương trở lên (đối với cán bộ nữ có mức lương chuyên môn, nghiệp vụ ở nhóm ngạch công chức loại A2.1, bậc 3, hệ số 5,08 và tương đương trở lên).

k) Cán bộ nghỉ hưu có mức lương 93 đồng/tháng trở lên (trước năm 1983) và có mức lương 425 đồng/tháng trở lên (trước năm 1993).

l) Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú thuộc đối tượng là người hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc hưởng lương từ đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Đối tượng B4 (đương chức)

a) Trưởng các Phòng, Ban tại các sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh.

b) Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy viên, Trưởng các Phòng, Ban tại cấp xã, phường và tương đương (thuộc diện quản lý, chăm sóc sức khỏe cán bộ tại xã, phường).

7. Các đồng chí đã được cấp có thẩm quyền quản lý, chăm sóc sức khỏe định kỳ thuộc diện và tương đương với các đối tượng A1, A2, B1, B2, B3 trước đây thì tiếp tục được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này. Đối với các đồng chí luân chuyển công tác, thay đổi chức vụ theo yêu cầu của tổ chức thì thực hiện theo kết luận của cấp có thẩm quyền về phân cấp các đối tượng tương đương thuộc Điều 2 của Nghị quyết này.

8. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đối tượng đồng thời có nhiều chức danh, chức vụ hoặc danh hiệu thuộc diện hưởng chế độ, chính sách theo Nghị quyết này và các Nghị quyết, quy định khác của Trung ương và của tỉnh Đắk Lắk thì chỉ được hưởng một chế độ theo chức danh, chức vụ hoặc danh hiệu cao nhất và chỉ được áp dụng một mức chi cao nhất; không hưởng đồng thời nhiều chế độ, chính sách cho cùng một nội dung.

2. Các đối tượng tại Điều 2 Nghị quyết này tại thời điểm nghỉ hưu giữ chức vụ nào thì hưởng chế độ hỗ trợ ở chức vụ đó. Trường hợp trong quá trình công tác có thời gian đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này nhưng do yêu cầu sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy hoặc bố trí công tác chờ nghỉ hưu thì được hưởng chế độ ở chức vụ, chức danh cao nhất trong quá trình công tác.

3. Nghị quyết này không áp dụng với những người đã bị buộc thôi việc, bị khai trừ ra khỏi Đảng, bị kết án phạt tù (kể cả án treo), bị kỷ luật cách chức và không còn giữ các chức vụ theo quy định.

Điều 4. Khám sức khỏe định kỳ đối tượng A1

1. Đối với cán bộ đương chức tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, khoản 1 Điều 2: Được khám 02 lần/năm theo kế hoạch của Trung ương. Chi phí khám do Trung ương chi trả và được hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ngủ và các chi phí khác như sau:

a) Kinh phí khám sức khỏe theo kế hoạch của Trung ương.

b) Hỗ trợ kinh phí khi đi khám bệnh: 1.000.000 đồng/người/lần.

c) Tiền ăn, tiền phòng ngủ, chi phí đi lại: Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành tại cơ quan đơn vị công tác.

2. Đối với cán bộ đã nghỉ hưu tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, khoản 1 Điều 2: Được khám 02 lần/năm theo kế hoạch của Trung ương. Chi phí khám do Trung ương chi trả và được hỗ trợ chi phí đi lại, ăn, ngủ và các chi phí khác như sau:

a) Kinh phí khám sức khỏe theo kế hoạch của Trung ương.

b) Hỗ trợ kinh phí khi đi khám bệnh: 1.000.000 đồng/người/lần.

c) Hỗ trợ tiền ăn: 500.000 đồng/người/ngày.

d) Hỗ trợ tiền phòng ngủ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế và không vượt quá 1.000.000 đồng/người/ngày.

e) Hỗ trợ chi phí đi lại: Thanh toán theo hóa đơn thực tế đảm bảo quy định chế độ công tác phí hiện hành.

3. Đối với cán bộ tại điểm h, điểm i, khoản 1 Điều 2: Được khám 02 lần/năm (lần 1: khám tại Bệnh viện tuyến trên, lần 2 khám tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế khác trong tỉnh).

a) Kinh phí khám lần 1 tại Bệnh viện tuyến trên đối với cán bộ đương chức:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 10.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ khi đi khám bệnh tại bệnh viện tuyến trên: 1.000.000 đồng/người/lần.

Tiền ăn, tiền phòng ngủ, chi phí đi lại: Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành tại cơ quan đơn vị.

b) Kinh phí khám lần 1 tại Bệnh viện tuyến trên đối với cán bộ đã nghỉ hưu:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 10.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ khi đi khám bệnh tại bệnh viện tuyến trên: 1.000.000 đồng/người/lần.

Hỗ trợ tiền ăn: 500.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ tiền phòng ngủ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế và không vượt quá 1.000.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ chi phí đi lại: Thanh toán theo hóa đơn thực tế đảm bảo quy định chế độ công tác phí hiện hành.

c) Về kinh phí khám lần 2 bao gồm đương chức và đã nghỉ hưu: Khám tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế trong tỉnh (có mời đoàn y tế Bệnh viện tuyến trên) về khám:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 4.000.000 đồng/người

Hỗ trợ 01 suất thuốc bổ và bồi dưỡng: 400.000 đồng/suất.

Hỗ trợ tiền ăn sáng sau khi lấy máu xét nghiệm, mức chi: 100.000 đồng/người.

d) Đối với các đồng chí do tuổi cao sức yếu không thể đi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện tuyến trên theo kế hoạch của Trung ương thì được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế trong tỉnh.

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 4.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ 01 suất thuốc bổ và bồi dưỡng sức khỏe: 400.000 đồng/suất.

Tiền ăn sáng sau khi lấy máu xét nghiệm, mức chi: 100.000 đồng/người.

Điều 5. Khám sức khỏe định kỳ đối tượng A2

1. Các đối tượng A2 được khám 02 lần/năm (lần 1: khám tại Bệnh viện tuyến trên; lần 2 khám tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế khác trong tỉnh).

a) Kinh phí khám lần 1 tại Bệnh viện tuyến trên đối với cán bộ đương chức:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 10.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ khi đi khám bệnh tại bệnh viện tuyến trên: 1.000.000 đồng/người/lần.

Tiền ăn, tiền phòng ngủ, chi phí đi lại: Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành tại cơ quan đơn vị.

b) Kinh phí khám lần 1 tại Bệnh viện tuyến trên đối với cán bộ đã nghỉ hưu:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 10.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ khi đi khám bệnh tại bệnh viện tuyến trên: 1.000.000 đồng/người/lần.

Hỗ trợ tiền ăn: 500.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ tiền phòng ngủ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế và không vượt quá 1.000.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ chi phí đi lại: Thanh toán theo hóa đơn thực tế đảm bảo quy định chế độ công tác phí hiện hành.

c) Về kinh phí khám lần 2 cho đối tượng A2 bao gồm đương chức và đã nghỉ hưu: Khám tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế trong tỉnh (có mời đoàn y tế Bệnh viện tuyến trên) về khám:

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 4.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ 01 suất thuốc bổ và bồi dưỡng: 400.000 đồng/suất.

Hỗ trợ tiền ăn sáng sau khi lấy máu xét nghiệm, mức chi: 100.000 đồng/người.

d) Đối với các đồng chí do tuổi cao sức yếu không thể đi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện tuyến trên thì được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ

tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc các cơ sở y tế trong tỉnh.

Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá: 4.000.000 đồng/người.

Hỗ trợ 01 suất thuốc bổ và bồi dưỡng: 400.000 đồng/suất.

Hỗ trợ tiền ăn sáng sau khi lấy máu xét nghiệm, mức chi 100.000 đồng/người.

Điều 6. Khám sức khỏe định kỳ đối tượng B1, B2

1. Khám 01 lần/năm tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc cơ sở y tế khác trong tỉnh.

2. Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 1.800.000 đồng/người.

Điều 7. Khám sức khỏe định kỳ đối tượng B3, B4

1. Khám sức khỏe định kỳ đối với đối tượng B3:

a) Khám 01 lần/năm tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên hoặc Bệnh viện Đa khoa Phú Yên hoặc cơ sở y tế khác trong tỉnh.

b) Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 900.000 đồng/người.

2. Khám sức khỏe định kỳ đối với đối tượng B4:

a) Khám 01 lần/năm tại cơ sở y tế trong tỉnh.

b) Hợp đồng khám sức khỏe: tối đa không quá 900.000 đồng/người.

Điều 8. Hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế

1. Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (bao gồm cán bộ đương chức và cán bộ đã nghỉ hưu).

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ phân chi phí cùng chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thực tế phát sinh sau khi đã được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán.

b) Mức hỗ trợ như sau:

Đối với cán bộ đương chức: Hỗ trợ phân đồng chi trả (phần 20% bệnh nhân đồng chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) đối với các đợt khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

Đối với cán bộ đã nghỉ hưu: Hỗ trợ phân đồng chi trả (phần 5% bệnh nhân đồng chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) đối với các đợt khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

Điều 9. Hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh khác

1. Hỗ trợ kinh phí mua thuốc điều trị và bồi bổ sức khỏe cho đối tượng A1 và đối tượng A2 (gồm cán bộ chủ chốt của tỉnh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) bao gồm đương chức và đã nghỉ hưu. Hỗ trợ mức chi tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc tại cơ quan

a) Đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức vụ tương đương:

Sức khỏe loại A và loại B: Có bác sĩ theo dõi, thăm khám sức khỏe ít nhất 01 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất, hoặc chỉ đạo của người, cấp có thẩm quyền.

Sức khỏe loại C và loại D: Bác sĩ theo dõi, thăm khám sức khỏe ít nhất 02 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất, hoặc chỉ đạo của người, cấp có thẩm quyền.

b) Đối với các đồng chí Thượng tướng lực lượng vũ trang nhân dân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức vụ tương đương:

Sức khỏe loại A và loại B: Bác sĩ theo dõi, thăm khám sức khỏe ít nhất 03 tháng/lần và khi có yêu cầu đột xuất, hoặc chỉ đạo của người, cấp có thẩm quyền.

Sức khỏe loại C và loại D: Bác sĩ theo dõi, thăm khám sức khỏe ít nhất 02 tháng/lần và khi có yêu cầu đột xuất, hoặc chỉ đạo của người, cấp có thẩm quyền.

Những trường hợp bệnh nặng, diễn biến phức tạp thì tùy vào tình hình thực tế, bác sĩ theo dõi sức khỏe phải theo dõi, thăm khám hằng ngày, hằng tuần hoặc theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ.

3. Quy định về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh đối với cán bộ cấp cao thuộc diện Trung ương quản lý, khi khám, chữa bệnh ngoài nước được hỗ trợ kinh phí cụ thể:

a) Đối tượng: Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy (đương chức và đã nghỉ hưu).

b) Điều kiện: Cán bộ cao cấp bị bệnh nặng, hiểm nghèo mà trong nước chưa đủ điều kiện về thiết bị y tế và khả năng điều trị được Ban Tổ chức Trung ương thống nhất trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư xem xét, quyết định.

c) Mức hỗ trợ kinh phí điều trị và người đi phục vụ thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách và quy định của cơ quan có thẩm quyền:

Hỗ trợ 50% kinh phí khám và điều trị.

Hỗ trợ 50% chi phí cho 01 đại diện gia đình cùng đi theo chế độ cán bộ đi công tác nước ngoài.

d) Thủ tục đi khám bệnh ở nước ngoài: Trường hợp bệnh nặng, hiểm nghèo trong nước chưa đủ điều kiện về thiết bị y tế và khả năng điều trị hoặc Hội đồng chuyên môn tư vấn thấy nước ngoài có khả năng điều trị mà cá nhân, gia đình có nguyện vọng được điều trị bệnh tại nước ngoài:

Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ Trung ương hội chẩn, báo cáo đề xuất.

Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định trình Ban Bí thư hoặc Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có chức năng phối hợp với gia đình hoàn tất thủ tục đi khám chữa bệnh ở nước ngoài cho cán bộ.

Điều 10. Chi phí hỗ trợ cán bộ y tế và phương tiện vận chuyển

1. Hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ:

a) Đối với cán bộ y tế phục vụ đối tượng A1, A2 đi khám bệnh tại tuyến trên (bao gồm: Đại diện lãnh đạo, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên):

Hỗ trợ tiền ăn theo đoàn: 500.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ tiền phòng nghỉ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế và không vượt quá 1.000.000 đồng/người/ngày.

Phương tiện đi lại theo đoàn.

b) Hỗ trợ chi phí tổ chức tổng kết đợt khám của đoàn cán bộ y tế Bệnh viện tuyến trên về Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên khám, kết luận kiểm tra sức khỏe định kỳ lần 2, đối với cán bộ chủ chốt của tỉnh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đối tượng A2).

Tiền vé máy bay đi và về: theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt mức chế độ công tác phí hiện hành.

Tiền ăn, nước uống (tính từ ngày đi đến ngày về trong thời gian khám tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên, Bệnh viện Đa khoa Phú Yên): Thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt mức chi 500.000 đồng/người/ngày.

Tiền phòng nghỉ: theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt mức chế độ công tác phí hiện hành.

Hỗ trợ kinh phí cho đoàn cán bộ y tế Bệnh viện tuyến trên về khám, kết luận sức khỏe định kỳ cho cán bộ tại tỉnh: Tối đa 4.000.000 đồng/người/đợt (chi trả phù hợp với từng chức danh và nhiệm vụ kết luận khám, kiểm tra sức khỏe cho cán bộ).

Hỗ trợ chi phí tổ chức buổi tổng kết đợt khám: Thanh toán theo chế độ chi tiếp khách hiện hành và số lượng theo thực tế nhưng không quá 50 suất/lần.

c) Hỗ trợ kinh phí trách nhiệm đặc thù cho công chức, viên chức và người lao động tham gia thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, cụ thể:

Đối với công chức, viên chức: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Đối với người lao động: 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Chi phí tiền nhiên liệu, phí đường bộ xe ô tô phục vụ đưa đón cán bộ thuộc đối tượng A1, A2 đã nghỉ hưu đi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ và kết luận sức khỏe (kể cả đi và về) theo thực tế ki lô mét và hóa đơn nhiên liệu, phí đường bộ.

3. Chi phí tiền nhiên liệu, lệ phí đường bộ xe ô tô phục vụ đưa đón đoàn bác sĩ Bệnh viện tuyến trên trong thời gian khám tại tỉnh Đắk Lắk cho đối tượng A2 theo lộ trình ki lô mét thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

4. Đối tượng A1, A2 tại Điều 2 trong trường hợp bệnh nặng cần vận chuyển cấp cứu (có hồ sơ chuyển viện) để khám, điều trị bệnh ở cơ sở y tế tuyến trên theo quy định (tối đa không quá 2 lần/năm). Hỗ trợ chi phí thuê xe chuyển viện lên tuyến trên được thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt mức giá hiện hành tại Trung tâm cấp cứu 115.

Điều 11. Hỗ trợ đối với trường hợp mắc bệnh hiểm nghèo, ốm liệt, khi có kết luận của Thường trực Tỉnh ủy

1. Bệnh hiểm nghèo được hỗ trợ chữa bệnh 01 lần, cụ thể:

a) Đối tượng A1: Hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng A2: Tại điểm a hỗ trợ tối đa không quá 40.000.000 đồng/người, tại điểm b, c, d, e, g hỗ trợ tối đa không quá 35.000.000 đồng/người.

c) Đối tượng B1: Hỗ trợ tối đa không quá 30.000.000 đồng/người.

d) Đối tượng B2: Hỗ trợ tối đa không quá 25.000.000 đồng/người.

2. Đối với đối tượng A1 và đối tượng A2 tại Điều 2 khi mắc bệnh hiểm nghèo, ốm liệt, không tự phục vụ được hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Điều 12. Thăm ốm đau khi cán bộ nằm điều trị tại cơ sở y tế

1. Đối tượng A1, A2 tại Điều 2 nằm điều trị tại cơ sở y tế, hoặc tại nhà được nhận chế độ thăm hỏi, không quá 02 lần/năm:

a) Đối tượng A1: Mức chi tối đa: 3.000.000 đồng/người/lần.

b) Đối tượng A2: Mức chi tối đa: 2.000.000 đồng/người/lần.

2. Đối tượng B1, B2 tại Điều 2 nằm điều trị tại cơ sở y tế được nhận chế độ thăm hỏi, không quá 02 lần/năm:

a) Đối tượng B1: Mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/lần.

b) Đối tượng B2: Mức chi tối đa: 1.000.000 đồng/người/lần.

Điều 13. Nghỉ dưỡng sức trong nước đối với cán bộ đã nghỉ hưu

1. Đối tượng A1 đi nghỉ dưỡng sức theo kế hoạch của Trung ương.

2. Đối tượng A2 đã nghỉ hưu cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Kinh phí nghỉ dưỡng sức do ngân sách tỉnh cấp, như sau:

a) Hỗ trợ chi tiêu cá nhân 2.000.000 đồng/người.

b) Chi phí nghỉ dưỡng sức chi trả trọn gói theo hợp đồng với khu tham quan hoặc đơn vị tổ chức dịch vụ.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đưa đón đoàn đi nghỉ dưỡng sức: Thanh toán theo chế độ công tác phí tại cơ quan, đơn vị.

d) Định kỳ nghỉ dưỡng sức 01 lần/năm, thời gian tối đa không quá 09 ngày/đợt, chia 02 đoàn đi trong năm.

e) Trường hợp phát sinh báo cáo xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 14. Thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên Đán đối với các đồng chí đã nghỉ hưu

1. Đối tượng A1: 4.000.000 đồng/người (bao gồm suất quà trị giá 1.000.000 đồng).

2. Đối tượng A2: 3.000.000 đồng/người (bao gồm suất quà trị giá 1.000.000 đồng).

3. Đối tượng B1: 1.000.000 đồng/người.

4. Đối tượng B2: 500.000 đồng/người.

Điều 15. Nguồn kinh phí thực hiện

Được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định phân cấp quản lý ngân sách hiện hành trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ

và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An